

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 03/3/2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân.

2. Ông Trương Thanh Giảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-DS, ngày 06/9/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.** Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower Số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hoan – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Kiên Giang. Ông Đoàn Hồng Vũ, sinh năm: 1986 – Nhân viên Ngân hàng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Hoan. Địa chỉ: C9-19 Lạc Hồng, P. Vĩnh lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền số 1170/2019/QĐ-LPB.KG, ngày 15/10/2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị Q**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Tổ 6, ấp Hòn Trẹm, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đoàn Hồng Vũ trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 05/12/2016 bà Phạm Thị Q có ký hợp đồng tín dụng số: 03/021216/04/870 vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là 170.000.000 đồng và ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Q số tiền trên. Mục đích là cho vay tiêu dùng, không thế chấp tài sản, thời hạn vay là 60 tháng, ngày đến hạn là ngày 04/12/2021, lãi suất theo hợp đồng là 12,5%/năm, lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền gốc trả hàng tháng định kỳ vào ngày 15 chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.840.000 đồng, kỳ cuối trả 2.440.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng cùng kỳ với trả nợ gốc theo dư nợ thực tế.

Đến ngày 11/7/2019, bà Q trả cho Ngân hàng được số tiền 114.179.569 đồng, trong đó tiền gốc là 76.611.651 đồng, tiền lãi là 37.567.918 đồng và còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 93.388.349 đồng và số tiền lãi là 4.500.000 đồng. Đến ngày 24/12/2019, bà Q đã trả cho Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc nên số tiền gốc bà Q còn nợ lại là 73.388.349 đồng. Số tiền bà Q còn nợ tính đến ngày 03/3/2020 là 87.183.226 đồng, trong đó nợ gốc là 73.388.349 đồng, nợ lãi trong hạn 12.001.847 đồng, nợ tiền lãi quá hạn 742.250 đồng và lãi phạt quá hạn 1.050.780 đồng. Do bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời bà Q không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng mới khởi kiện.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Q phải trả toàn bộ số tiền nợ vay gốc và lãi, các chi phí phát sinh theo hợp đồng như sau: Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn tính đến ngày 03/3/2020 là 87.183.226 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Q tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ vay.

Tại biên bản ghi lời khai bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà Q có vay Ngân hàng B – Chi nhánh Kiên Giang số tiền là 140.000.000 đồng có làm hợp đồng tín dụng vay, mục đích vay tiêu dùng và thanh toán trong thời hạn 60 tháng. Nhưng trong hợp đồng Ngân hàng cung cấp cho Tòa án ghi bà Q vay 170.000.000 đồng, bà sẽ về nhà xem lại hợp đồng và biên nhận giao nhận tiền với Ngân hàng, bà sẽ cung cấp cho Tòa án. Do bà chỉ cần số vốn 70.000.000 đồng và vay giùm cho bà Hà Diễm Hồng 70.000.000 đồng, nhưng do bà chỉ đưa tiền qua tay cho bà Hồng không làm biên nhận, vì vậy bà cũng đồng ý đứng ra thanh toán toàn bộ số

tiền này với Ngân hàng, sau này khi nào gặp bà Hồng bà sẽ tính toán số tiền đã vay giùm với bà Hồng. Từ trước đến nay bà đóng đầy đủ hàng tháng số tiền vay theo hợp đồng cho Ngân hàng nhưng kể từ Tết âm lịch đến khi Ngân hàng làm việc là 03 tháng, do bà Hồng không đưa tiền cho bà để đóng Ngân hàng nên Ngân hàng có yêu cầu bà phải hoàn tất 03 tháng số tiền cả gốc và lãi là 12.000.000 đồng. Do con bà đi học chi phí quá cao nên bà không thể đáp ứng được số tiền như Ngân hàng yêu cầu. Bà có đề nghị Ngân hàng cho bà trả hàng tháng hết số nợ là 93.388.371 đồng cho đến ngày 04/12/2021 theo hợp đồng. Sau ngày 04/12/2021 bà sẽ trả hàng tháng là 4.000.000 đồng cho khi hết số nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng. Nhưng Ngân hàng không đồng ý mà đề nghị bà mỗi tháng phải trả thêm 1.000.000 đồng cùng số tiền hàng tháng bà phải trả theo hợp đồng. Lúc đó bà nhận lời vì con bà chưa nhập học, hiện tại con bà đã nhập học và học phí rất cao nên không thể đáp ứng theo yêu cầu của Ngân hàng như đã thỏa thuận.

Bà xin trả hàng tháng theo hợp đồng tín dụng số tiền 93.388.371 đồng cho đến khi hết số nợ này là vào ngày 04/12/2021. Sau ngày 04/12/2021 khi trả hết số nợ nêu trên, bà sẽ trả mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ phát sinh còn lại với Ngân hàng là 29.500.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Phạm Thị Q có nơi cư trú tại tổ 6, ấp Hòn Trẹm, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản cho bà Q theo quy định của pháp luật nhưng bà Q vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do Bà Q chỉ thừa nhận có lập hợp đồng vay Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng, chứ không phải vay 170.000.000 đồng như Ngân hàng khởi kiện nên Tòa án có ban hành quyết định yêu cầu bà Q cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng đến hết thời hạn được ghi trong quyết định mà bà Q vẫn không cung cấp, vì vậy lời khai của bà Q là không có cơ sở chấp nhận. Bà Q có vay của Ngân hàng số tiền là 170.000.000 đồng theo như hợp đồng Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án là phù hợp. Bà Q thừa nhận và trong thông báo thanh toán của Ngân hàng đều thể hiện bà Q còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 93.388.349 đồng. Do bà Q đã trả cho Ngân hàng được 20.000.000 đồng tiền gốc nên tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị bà Phạm Thị Q phải trả số tiền gốc còn lại 73.388.349 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 03/3/2020 là 13.794.877 đồng, tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu là 87.183.226 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Q tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Q bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Buộc bà Phạm Thị Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 87.183.226 đồng, trong đó nợ gốc là 73.388.349 đồng, nợ lãi là 13.794.877 đồng.

Kể từ ngày 04/3/2020 cho đến khi thanh toán hết mọi khoản nợ, bà Phạm Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

2. Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.359.000 đồng.

- Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.447.000 đồng theo lai thu số 0004425 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kiên Giang;
- VKSND tænh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Nhõõng ngõõi TGTT;
- Lòu taáp àn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕÙ SÔ THẨM
THẨM PHÀN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOA**

Nguyễn Văn Pho